

Bản án số: 62/2018/DS-PT
Ngày 29-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình
Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên

Ngày 29/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S. Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 NK, phường X, quận Y, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang H; Chức vụ: Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng S chi nhánh Đắk Lắk (có mặt).

Địa chỉ: 130 – 132 P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Trần Thị Quỳnh A (có mặt)

2.2 Ông Lâm Hữu N (vắng mặt)

Điều cư trú tại: 48/30 V, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Quỳnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện cho nguyên đơn ông Nguyễn Quang H trình bày:**

Ngày 02/6/2016, ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S để vay số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỉ hai trăm triệu

đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/6/2017, với kỳ trả lãi là 01 tháng/lần vào ngày 03 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà A mới trả được 3 kỳ lãi với số tiền 31.494.666 đồng. Như vậy, đến thời hạn trả nợ, ông N và bà A không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký và không hợp tác để xử lý khoản vay. Hiện số nợ trên của ông N và bà A đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 04/10/2016.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông N và bà A đã thế chấp cho Ngân hàng S quyền sử dụng đất số AO749501 do UBND thành phố B cấp ngày 20/02/2009 cho hộ ông Lâm Hữu N đối với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 13 tại phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 83,4 m².

Nay ngân hàng S yêu cầu ông N và bà A có nghĩa vụ trả nợ hết số tiền 1.273.761.526 đồng (một tỉ hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng), trong đó 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 73.761.526 đồng tiền lãi (lãi trong hạn và quá hạn) cùng toàn bộ lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 18/4/2017 cho đến khi ông N và bà A trả hết nợ. Yêu cầu của bà Trần Thị Quỳnh A đề nghị xem xét gia hạn nợ cho vợ chồng bà là không có căn cứ để chấp nhận vì trước và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông N và bà A đã không hợp tác với Ngân hàng S để giải quyết khoản nợ nói trên.

*** Bị đơn bà Trần Thị Quỳnh A trình bày:**

Bà thừa nhận ngày 02/6/2016, bà và chồng là ông Lâm Hữu N có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S để vay số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỉ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/6/2017, mục đích vay về sử dụng trong sinh hoạt chung của gia đình. Để bảo đảm cho khoản vay, vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng S quyền sử dụng đất số AO749501 do UBND thành phố B cấp ngày 20/02/2009 cho hộ ông Lâm Hữu N đối với thửa đất số 265, tờ bản đồ số 13 tại phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với diện tích 83,4 m². Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà mới trả được lãi suất của 3 kỳ với số tiền lãi là 31.494.666 đồng. Nay gia đình gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên vợ chồng bà chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng S. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giảm lãi suất và giảm phần án phí dân sự sơ thẩm.

*** *Tại bản án số 103/2017/DS-ST ngày 15/9/2017, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:***

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474; các Điều từ 715 đến Điều 721 của Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A phải trả cho Ngân hàng S số tiền vay, tính đến ngày 15/9/2017 với tổng số tiền là: 1.352.081.248 đồng (Một tỷ

ba trăm năm mươi hai triệu không trăm tám mươi một nghìn hai trăm bốn mươi tám đồng); Trong đó: Nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi là 152.081.248 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2017, ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ngân hàng S trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 749501 của Ủy ban nhân dân Tp. B ký ngày 20/02/2009 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Lâm Hữu N ngay sau khi bên thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Trường hợp vợ chồng ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 376/16/TC/DL ngày 09/6/2016 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng S và bên thế chấp là vợ chồng ông Lâm Hữu N, Trần Thị Quỳnh A được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho bên nhận thế chấp.

Về án phí: Vợ chồng ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A phải chịu 52.562.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng S không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng S chi nhánh Đắk Lắk số tiền 25.106.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000477 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2017, bà Trần Thị Quỳnh A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm một phần lãi suất và án phí cho vợ chồng bà.

Do kháng cáo của bà Trần Thị Quỳnh A là đã quá thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật nên ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét và chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của bà Trần Thị Quỳnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu kháng cáo phần giảm mức lãi suất và giảm án phí dân sự sơ thẩm của bà Trần Thị Quỳnh A không có cơ sở xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Quỳnh A - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 103/2017/DSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 02/6/2016, ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A có ký hợp đồng tín dụng từng lần số LD 1615400071 với Ngân hàng S – chi nhánh Đắk Lắk để vay số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỉ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm; hạn trả nợ cuối cùng là ngày 03/6/2017, với kỳ trả lãi là 01 tháng/lần vào ngày 03 hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà A mới chỉ thanh toán được 3 kỳ lãi với số tiền 31.494.666 đồng. Như vậy, đến thời hạn trả nợ, ông N và bà A không thực hiện đúng như cam kết trong hợp đồng tín dụng. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N, bà A có trách nhiệm trả nợ theo hợp đồng tín dụng LD 1615400071 ngày 02/6/2016 với số tiền 1.273.761.526 đồng (một tỉ hai trăm bảy mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng), trong đó 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 73.761.526 đồng tiền lãi (lãi trong hạn và quá hạn) cùng toàn bộ lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 18/4/2017 cho đến khi ông N và bà A trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo xin giảm một phần lãi suất và án phí dân sự sơ thẩm của bà Trần Thị Quỳnh A, trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, bà A không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì làm căn cứ cho yêu cầu xin giảm án phí của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét nên không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Quỳnh A - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 103/2017/DSST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bà Trần Thị Quỳnh A phải chịu án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị Quỳnh A – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2017 với tổng số tiền là: 1.352.081.248 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi hai triệu không trăm tám mươi một nghìn hai trăm bốn mươi tám); trong đó: Nợ gốc là 1.200.000.000 đồng, lãi là 152.081.248 đồng. Kể từ ngày 16/9/2017 ông Lâm Hữu N và bà Trần Thị Quỳnh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên.

Ngân hàng S trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 749501 của Ủy ban nhân dân Tp. B ký ngày 20/02/2009 đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Lâm Hữu N ngay sau khi bên thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

[3] Về án phí:

* Án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Quỳnh A và ông Lâm Hữu N phải chịu 52.562.000 đồng (năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng S không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng S chi nhánh Đắk Lắk số tiền 25.106.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0000477 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B.

* Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Quỳnh A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0004785 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[4] *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuật;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn